

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 289/2018/HS-PT

Ngày: 20/7/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
*Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Huân.

Các Thẩm phán:

1. Ông Phan Văn Liệt

2. Ông Trần Minh Châu

Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Quốc Khánh, thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/7/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 248/2018/HSPT ngày 18/6/2018 đối với bị cáo Phạm Thanh Ph theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2670/2018/QĐXXPT-HS ngày 07/7/2018, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án sơ thẩm số 86/2018/HS-ST ngày 10/5/2018 của Tòa án nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

Họ và tên: **Phạm Thanh Ph**; giới tính: nam; sinh năm 1992 tại tỉnh Nam Định; nơi đăng ký thường trú: xã A, huyện B, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: 137/12 đường C, phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nhân viên văn phòng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: (không); quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Thanh X và bà Phạm Thị S; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: (không);

Bắt, tạm giữ: 08/8/2017;

Hủy bỏ biện pháp tạm giữ: 12/8/2017

Cấm đi khỏi nơi cư trú: 16/11/2017.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng có liên quan đến kháng cáo:

Bị hại: Anh Nguyễn Lê Đình L; sinh năm 1990; nơi cư trú: 52 đường Nguyễn Khắc Nhu, phường Cô Giang, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 07/8/2017, Tổ công tác của Đội Cảnh sát Giao thông Bến Thành thuộc Phòng Cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh gồm các anh Trần Xuân N, Nguyễn Lê Đình L, Trần Ngọc T và anh Phạm Ngọc M là Cảnh sát Cơ động thực hiện Kế hoạch số 32 ngày 04/8/2017 của Ban chỉ huy Đội Cảnh sát Giao thông Bến Thành về kiểm tra hành chính, kiểm tra nồng độ cồn và chống đua xe trái phép tại giao lộ Nguyễn Văn Cừ - Trần Hưng Đạo, phường K, Quận E. Đến khoảng 22 giờ 45 phút cùng ngày, Phạm Thanh Ph điều khiển xe máy mang biển số 54U5-4491 trong tình trạng không đội mũ bảo hiểm và có biểu hiện say xỉn do uống bia, rượu. Tổ công tác phát hiện nên ra hiệu dừng xe, yêu cầu kiểm tra giấy tờ và đo nồng độ cồn nhưng Ph chỉ đưa giấy tờ mà không đồng ý kiểm tra nồng độ cồn. Tổ công tác thuyết phục Ph chấp hành việc đo nồng độ cồn nhưng Ph vẫn không đồng ý và có lời lẽ thách thức. Ph yêu cầu Tổ công tác lập biên bản giữ xe để Ph đi nhưng Tổ công tác cho rằng chưa đo nồng độ cồn nên không lập biên bản. Ph bỏ đi thì Tổ công tác không cho Ph đi. Sau một thời gian đôi co qua lại khoảng 15 phút, Ph có lời lẽ thách thức đánh nhau, một chiến sĩ trong Tổ công tác có lời lẽ thách thức lại “đánh đi, đánh đi”, Ph liền dùng tay phải đánh vào bên trái mặt của anh Nguyễn Lê Đình L. Ngay lập tức, anh N, anh M và anh T khống chế bắt Ph đưa về trụ sở Công an phường K, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh lập biên bản phạm tội quả tang, thu giữ của Ph 1 xe máy Honda Wave S mang biển số 54U-4491; 1 điện thoại Iphone 7, 1 quần jean dài, màu xanh; 1 áo thun ngắn tay, sọc ngang, đen trắng.

Toàn bộ sự việc đã nêu đã được Tổ công tác ghi hình lại và giao nộp cho Công an phường K (bl.37) được lưu giữ trong hồ sơ.

Cáo trạng số 23/CTr-VKS ngày 29/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân Quận E đã truy tố bị cáo về tội "Chống người thi hành công vụ" theo khoản 1 Điều 257 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (Bộ luật hình sự năm 1999).

Bản án hình sự sơ thẩm số 86/2018/HS-ST ngày 10/5/2018 của Tòa án nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thanh Ph phạm tội “Chống người thi hành công vụ”.

Áp dụng khoản 1 Điều 257, điểm h và p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999,

Xử phạt bị cáo Phạm Thanh Ph 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, xử lý vật chứng, quyền kháng cáo của bị cáo và các đương sự.

Ngày 22/5/2018, bị cáo có đơn kháng cáo với nội dung: Bị cáo đã nhận thức hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, bị cáo thật sự ăn năn, hối cải, giúp cơ quan chức năng nhanh chóng làm sáng tỏ nội dung vụ án; gia đình bị cáo là gia đình có truyền thống cách mạng, bản thân bị cáo có việc làm ổn định, từ trước đến nay, bị cáo chưa từng vi phạm pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 9 tháng tù giam là quá nặng. Do vậy, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và bổ sung nội dung: Bị cáo xin được hưởng án treo. Đồng thời, bị cáo có bổ sung tài liệu gồm “Đơn xác nhận” đề ngày 08/7/2018, có nội dung Công an phường D, Quận E xác nhận trong thời gian cư trú tại 137/12 đường C, phường K, Quận E, bị cáo chấp hành tốt quy định của pháp luật, chưa phát hiện có vi phạm gì; “Đơn xin bảo lãnh” của ông Phạm Thế Vinh hiện là giảng viên của Trường Đại học Tài chính Marketing là chủ hộ của bị cáo xin bảo lãnh bị cáo.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết kháng cáo như sau:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận của bị cáo, tài liệu hình ảnh do Tổ công tác của Đội Cảnh sát Giao thông Bến Thành ghi lại được, có đủ cơ sở để xác định bị cáo đã phạm tội “Chống người thi hành công vụ” theo khoản 1 Điều 257 Bộ luật hình sự năm 1999. Trong quá trình xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ đó là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, có cha là người có công với cách mạng (được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba); mức án 9 tháng tù xử phạt đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ vi phạm. Do vậy, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên và bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên, đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố

tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2].Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai nhận tội là phù hợp với biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang do Công an phường K, Quận E lập lúc 23 giờ 10 phút ngày 07/8/2017 và các tài liệu, chứng cứ thu thập được. Do vậy, có căn cứ để xác định: Vào lúc 22 giờ 45 phút ngày 07/8/2017, ở tại khu vực giao lộ Nguyễn Văn Cừ - Trần Hưng Đạo, phường K, Quận E, bị cáo đã có hành vi điều khiển xe máy trong tình trạng đã có uống bia và không đội mũ bảo hiểm. Khi được Tổ công tác của Đội Cảnh sát Giao thông Bến Thành thuộc Phòng Cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh (Tổ công tác) yêu cầu kiểm tra nồng độ cồn, bị cáo đã không chấp hành và có hành vi đòi co, thậm chí còn có hành vi thách thức đánh nhau và đã chửi rủa dùng tay đánh vào mặt anh Nguyễn Lê Đình L là chiến sỹ thuộc Tổ công tác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước. Bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai trái nhưng do thiếu ý thức tôn trọng pháp luật, một phần do đã có uống bia, không làm chủ được bản thân nên đã dẫn đến việc phạm tội. Đối chiếu với quy định của pháp luật, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo đã phạm tội “Chống người thi hành công vụ” theo khoản 1 Điều 257 Bộ luật hình sự năm 1999. Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án bị cáo theo tội danh và điều luật như đã nêu là có căn cứ, đúng luật pháp.

[3].Về tính chất mức độ vi phạm, các tình tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt cần áp dụng.

Qua xem xét lại toàn bộ tập tin hình ảnh và âm thanh đã thu thập được trong quá trình điều tra, nhận thấy:

Mặc dù, bị cáo là người có lỗi đó là không chấp hành việc kiểm tra nồng độ cồn theo yêu cầu của Các chiến sỹ thuộc Tổ công tác. Tuy nhiên, trong quá trình xử lý, các chiến sỹ thuộc Tổ công tác cũng đã có hành vi ứng xử thiếu chuẩn mực, cụ thể:

Khi bị cáo không đồng ý việc đo nồng độ cồn, lẽ ra Tổ công tác phải tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính về việc không chấp hành kiểm tra nồng độ cồn, thu giữ xe và giấy tờ xe để làm căn cứ xử phạt bị cáo theo quy định tại điểm b mục 8 Điều 6 Nghị định 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính Phủ về hành vi không chấp hành yêu cầu kiểm tra nồng độ cồn của người thi hành công vụ. Kể cả trong trường hợp bị cáo không đồng ý lập biên bản thì vẫn có thể lập biên bản theo quy định của Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Tuy nhiên, Tổ công tác đã không thực hiện việc này mà lại một mực yêu cầu bị cáo phải thực hiện việc kiểm tra nồng độ cồn để làm cơ sở lập biên bản vi phạm hành chính và không cho bị cáo đi khỏi hiện trường, kể cả khi bị cáo yêu

cầu lập biên bản và đề xe lại. Mặt khác, trước khi bị cáo đánh anh L, đã có chiến sĩ nói thách thức bị cáo “đánh đi, đánh đi”. Những việc làm đã nêu đã tạo sự căng thẳng không đáng có và dẫn tới việc bị cáo đã có hành vi phạm tội. Thậm chí, ngay sau khi bị cáo đánh anh L và bị Tổ công tác bắt giữ, có chiến sĩ còn có lời nói thiếu văn hóa, không chuẩn mực. Việc làm này ảnh hưởng xấu đến hình ảnh của người chiến sĩ Công an nhân dân, Tổ công tác cần phải rút kinh nghiệm.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; cha bị cáo là người có công với Cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm h và p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 để giảm nhẹ trách nhiệm sự cho các bị cáo là có căn cứ. Mức án 9 tháng tù mà Tòa án cấp thẩm tuyên phạt đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ vi phạm.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, được Công an xã An Hồng, huyện B, tỉnh Nam Định (Công an địa phương nơi bị cáo đăng ký thường trú) và Công an phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (Công an địa phương nơi bị cáo tạm trú) xác nhận là người có nhân thân tốt, luôn chấp hành tốt pháp luật ở địa phương, chưa từng có vi phạm pháp luật gì; mặt khác, bị cáo là người có nơi cư trú ổn định. Đối chiếu với hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo.

Vì các lý do như đã nêu, cần sửa án sơ thẩm, giữ nguyên mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

Qua xem xét toàn diện xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã có một số sai sót, cụ thể đó là: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã bị tạm giữ 5 ngày nhưng trong bản án sơ thẩm đã không ghi rõ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ; tuyên phạt tù đối với bị cáo nhưng lại không trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ. Tuy nhiên, như đã nhận định, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm, cho bị cáo được hưởng án treo. Do vậy, việc sai sót đã nêu không còn ý nghĩa nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cũng cần phải rút kinh nghiệm.

[4]. Về án phí: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 86/2018/HS-ST ngày 10/5/2018 của Tòa

án nhân dân quận Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thanh Ph phạm tội “Chống người thi hành công vụ”.

Áp dụng khoản 1 Điều 257, điểm h và p khoản 1, khoản 2 Điều 46, khoản 1 và 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999,

Xử phạt bị cáo Phạm Thanh Ph 9 (chín) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 1 (một) năm 6 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Nam Định để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị, có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo)./.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND cấp cao tại TP.HCM
- VKSND TP. HCM;
- VKSND Quận E;
- PC53 - CATP;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Chi Cục THA Quận E;
- TAND Quận E;
- Công Quận E;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: THS, hồ sơ, VT (20).

- (1)
- (1)
- (3)
- (1)
- (1)
- (1)
- (1)
- (1)
- (2)
- (1)
- (1)
- (1)
- (4)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Công Huân